

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH TÂY NINH**

Số: 131 /UBND-KSTT  
V/v đề xuất xây dựng hệ thống thông tin của  
vùng Đông Nam Bộ

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Tây Ninh, ngày 13 tháng 01 năm 2025

Kính gửi: Bộ Thông tin và Truyền thông.

Ủy ban nhân dân tỉnh nhận được Công văn số 5308/BTTTT-CĐSQG ngày 09/12/2024 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc nghiên cứu, đề xuất xây dựng hệ thống thông tin của vùng Đông Nam Bộ.

Trên cơ sở Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 07 tháng 10 năm 2022 của Bộ Chính trị và Nghị quyết số 154/NQ-CP ngày 23 tháng 11 năm 2022 ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 07 tháng 10 năm 2022 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Đông Nam Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 và từ nhu cầu thực tiễn của địa phương, Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh đề xuất xây dựng hệ thống thông tin của vùng Đông Nam Bộ như sau:

**I. Lĩnh vực khoa học và công nghệ**

**1. Quản lý về hoạt động nghiên cứu khoa học**

**a) Nhiệm vụ khoa học và công nghệ**

- Mục tiêu: Tích hợp, theo dõi và đánh giá các nhiệm vụ khoa học và công nghệ (KH&CN).

- Dữ liệu cần thu thập: Tổng số nhiệm vụ KH&CN, số lượng đang triển khai, đã nghiệm thu, v.v; Thông tin chi tiết về từng nhiệm vụ: tên nhiệm vụ, tổ chức chủ trì, mục tiêu, kinh phí, thời gian, tình trạng và hiệu quả ứng dụng.

- Tần suất thu thập: hàng tháng, quý, năm.

- Nguồn dữ liệu: Sở Khoa học và Công nghệ.

**b) Tổ chức hoạt động khoa học và công nghệ**

- Mục tiêu: Theo dõi, quản lý tình hình hoạt động của tổ chức KH&CN

- Dữ liệu cần thu thập: Số tổ chức đăng ký hoạt động; số Chi nhánh của tổ chức KH&CN; thông tin chung về tổ chức; nhân lực; kinh phí hoạt động; cơ sở vật chất - kỹ thuật; hợp tác quốc tế; hoạt động KH&CN và các kết quả đạt được.

- Tần suất thu thập: hàng tháng, quý, năm.

- Nguồn dữ liệu: Sở Khoa học và Công nghệ.

## **2. Quản lý về công nghệ và thị trường công nghệ**

- Mục tiêu: Quản lý và đánh giá sự tham gia của các doanh nghiệp vào sản phẩm dịch vụ công nghệ.

- Dữ liệu cần thu thập: Số doanh nghiệp tham gia sản phẩm dịch vụ công nghệ hàng tháng.

- Tần suất thu thập: hàng tháng, quý, năm.

- Nguồn dữ liệu: Sở Khoa học và Công nghệ.

## **3. Quản lý về sở hữu trí tuệ**

- Mục tiêu: Theo dõi và quản lý việc bảo hộ sở hữu trí tuệ.

- Dữ liệu cần thu thập: Số cơ sở/doanh nghiệp thực hiện đăng ký bảo hộ, sáng kiến cấp tỉnh, sản phẩm đã được bảo hộ chỉ dẫn địa lý, v.v.

- Tần suất thu thập: hàng tháng, quý, năm.

- Nguồn dữ liệu: Sở Khoa học và Công nghệ.

## **4. Quản lý về an toàn bức xạ**

- Mục tiêu: Đảm bảo an toàn trong việc sử dụng thiết bị bức xạ, nguồn phóng xạ.

- Dữ liệu cần thu thập: Danh sách tổ chức, cá nhân sử dụng thiết bị bức xạ, nguồn phóng xạ; số chứng chỉ, giấy phép được cấp.

- Tần suất thu thập: hàng tháng, quý, năm.

- Nguồn dữ liệu: Sở Khoa học và Công nghệ.

## **5. Quản lý về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng**

- Mục tiêu: Đảm bảo chất lượng sản phẩm và dịch vụ.

- Dữ liệu cần thu thập: Danh sách cơ sở công bố tiêu chuẩn áp dụng, cơ sở đăng ký hợp chuẩn, hợp quy; cơ sở tham gia giải thưởng chất lượng, các dự án nâng cao chất lượng sản phẩm; cơ sở xây dựng và áp dụng hệ thống truy xuất nguồn gốc trên địa bàn tỉnh; doanh nghiệp công bố sử dụng dấu định lượng,...

- Tần suất thu thập: hàng tháng, quý, năm.

- Nguồn dữ liệu: Sở Khoa học và Công nghệ.

## **6. Hoạt động sự nghiệp KH&CN**

- Mục tiêu: Theo dõi các hoạt động dịch vụ KH&CN.

- Dữ liệu cần thu thập: Số liệu về kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm và chuyển giao ứng dụng.



- Tần suất thu thập: hàng tháng, quý, năm.
- Nguồn dữ liệu: Sở Khoa học và Công nghệ.

## **7. Thanh tra, kiểm tra**

- Mục tiêu: Đảm bảo hoạt động KH&CN tuân thủ quy định.
- Dữ liệu cần thu thập: Tổng số cuộc thanh tra và kiểm tra theo lĩnh vực liên quan.

- Tần suất thu thập: hàng tháng, quý, năm.
- Nguồn dữ liệu: Sở Khoa học và Công nghệ.

## **8. Kinh phí chi hoạt động KH&CN**

- Mục tiêu: Quản lý tài chính cho hoạt động KH&CN.
- Dữ liệu cần thu thập: Kinh phí chi cho quản lý nhà nước, sự nghiệp khoa học, tổng kinh phí dịch vụ KH&CN và tổng thu phí, lệ phí.
- Tần suất thu thập: hàng tháng, quý, năm.
- Nguồn dữ liệu: Sở Khoa học và Công nghệ.

## **II. Lĩnh vực Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**

**1. Mô tả các vấn đề cần áp dụng:** Trong quá trình quản lý, chỉ đạo điều hành ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các thông tin chính cần được truy xuất nhanh để phục vụ việc đánh giá tình hình phát triển ngành, có nằm trong chỉ tiêu thống kê kinh tế - xã hội cấp tỉnh theo Quyết định số 05/2023/QĐ-TTg ngày 24/02/2023 của Chính phủ đồng thời để có thể so sánh với các tỉnh/thành trong khu vực Đông Nam Bộ do vậy cần phải có cơ sở dữ liệu tập trung để phục vụ công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành được sâu sát hơn trong tương lai.

### **2. Đề xuất các chỉ tiêu ngành trong cơ sở dữ liệu dùng chung**

- 2.1. Cơ cấu nông – lâm – thủy sản trong cơ cấu GRDP của tỉnh (%).
- 2.2. Giá trị sản phẩm thu được trên 01 ha đất trồng trọt (triệu đồng/ha/năm).
- 2.3. Tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới (%), trong đó: số xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao (xã).
- 2.4. Tỷ lệ dân cư nông thôn sử dụng nước sạch đạt tiêu chuẩn (%).
- 2.5. Tỷ lệ che phủ rừng (%).
- 2.6. Số lượng và danh mục sản phẩm đạt chuẩn OCOP từ 03 sao trở lên.
- 2.7. Dữ liệu hệ thống cấp nước nông thôn.

**3. Nguồn thông tin:** Chỉ tiêu 3.1. – Cục Thống kê tỉnh cung cấp; các chỉ tiêu đề xuất còn lại do ngành Nông nghiệp và PTNT theo dõi, tổng hợp và cung cấp

4. Đối tượng sử dụng, khai thác thông tin: Cơ quan quản lý nhà nước, doanh nghiệp, hợp tác xã, người dân và các đối tượng liên quan khác cần khai thác thông tin.

5. Tính sẵn sàng về thông tin, dữ liệu cung cấp: Các dữ liệu này đã có sẵn trong dữ liệu trên Trung tâm giám sát, điều hành IOC của tỉnh, được Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo dõi, tổng hợp và cập nhật thường xuyên nên tính sẵn sàng về thông tin, dữ liệu cung cấp là tốt, tuy nhiên cần có cơ chế tích hợp thông tin, dữ liệu từ các hệ thống cơ sở dữ liệu lại với nhau để tránh lãng phí chi phí và thời gian khi xây dựng nhiều hệ thống và nhập liệu các dữ liệu giống nhau.

### III. Lĩnh vực công thương

1. Đề xuất chỉ tiêu ngành trong cơ sở dữ liệu dùng chung: Hiện tại, ngành Công Thương đang xây dựng hệ thống CSDL ngành, bao gồm thông tin, dữ liệu các đối tượng thuộc phạm vi quản lý của ngành Công Thương. Trên cơ sở đó, Sở Công Thương sẵn sàng cung cấp, kết nối dữ liệu giữa các hệ thống khi có yêu cầu.

2. Đối tượng sử dụng, khai thác thông tin: Cụm công nghiệp, doanh nghiệp trong Cụm công nghiệp; các chợ, siêu thị, trung tâm thương mại; các cửa hàng kinh doanh bán lẻ xăng dầu; các cơ sở được cấp phép an toàn thực phẩm; Cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất; Các dự án năng lượng mặt trời. Đang triển khai thu thập thông tin các đối tượng: Các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất ngành công nghiệp hoạt động ngoài KCN, KKT; các cửa hàng tiện lợi trên địa bàn tỉnh.

3. Tính sẵn sàng về thông tin, dữ liệu cung cấp: ngành Công Thương sẵn sàng cung cấp, kết nối dữ liệu giữa các hệ thống khi có yêu cầu.

Kính chuyển Bộ Thông tin và Truyền thông tổng hợp.

Trân trọng./.

Nơi nhận: 

- Như trên;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở TTTT;
- LĐVP;
- KSTT;
- Lưu: VT, VP UBND tỉnh.

4

KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Hồng Thanh